

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**
Số 1061 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Thuận, ngày 25 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án Quy hoạch chung thị xã La Gi đến năm 2035

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy hoạch chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 2532/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Thuận thời kỳ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đề án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/04/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng về việc ban hành Quy chuẩn Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

Căn cứ Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Thuận đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 12/8/2013 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05/01/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung thị xã La Gi đến năm 2035;

Căn cứ Công văn số 13/BXD-QHKT ngày 01/02/2019 của Bộ Xây dựng về việc góp ý Quy hoạch chung thị xã La Gi đến năm 2035;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 128/TTr-SXD ngày 01/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thị xã La Gi đến năm 2035 với các nội dung sau:

1. Phạm vi, ranh giới: Phạm vi nghiên cứu, lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa phận hành chính thị xã La Gi, gồm 5 phường (Phước Hội, Phước Lộc, Bình Tân, Tân Thiện, Tân An) và 4 xã (Tân Phước, Tân Bình, Tân Tiến, Tân Hải); có ranh giới tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp: Huyện Hàm Thuận Nam;
- Phía Tây giáp : Huyện Hàm Tân;
- Phía Nam giáp : Biển Đông;
- Phía Bắc giáp : Huyện Hàm Tân.

2. Quy mô:

a) Quy mô diện tích: Khoảng 18.538,25 ha; trong đó, diện tích nội thị giai đoạn đến năm 2025 khoảng 1.667,7 ha, giai đoạn đến năm 2035 khoảng 2.175,78 ha (mở rộng một phần ranh giới nội thị sang các xã Tân Phước và Tân Bình).

b) Quy mô dân số:

- Dự báo dân số đến năm 2025: Khoảng 135.000 người, trong đó dân số nội thị khoảng 100.000 người.

- Dự báo dân số đến năm 2035: Khoảng 185.000 người, trong đó dân số nội thị khoảng 140.000 người.

3. Tính chất: Là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật, thương mại, dịch vụ và du lịch; trung tâm phát triển kinh tế biển tiểu vùng phía Nam tỉnh Bình Thuận.

4. Các chỉ tiêu cơ bản:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch	
			Đô thị loại III	Đô thị loại II
I	Chỉ tiêu sử dụng đất – đất dân dụng	m²/ người	80-110	90-120
1	Đất đơn vị ở	m ² /người	60-80	60-80
2	Đất công trình công cộng dịch vụ đô thị	m ² /người	3-5	4-6
3	Đất cây xanh công cộng đô thị	m ² /người	≥ 5	≥ 6

4	Đất giao thông đô thị	m ² /người	15-20	18-22
II Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật				
1	Thoát nước mưa - mật độ đường cống chính	km/km ²	≥ 3,5	≥ 4
2	Giao thông			
	<i>Mật độ mạng lưới đường (tính đến đường chính khu vực)</i>	km/km ²	3-4	4-6,5
	<i>Tỷ lệ đất giao (nội thị)</i>	(%)	13-19	15-22
3	Cấp điện			
	<i>Điện sinh hoạt đô thị</i>	KW/người/năm	750	1500
	<i>Điện công nghiệp</i>	KW/ha	160-350	
	<i>Điện tiêu thụ công nghiệp</i>	KW/ha	140	
	<i>Kho tàng</i>	KW/ha	50	
4	Cấp nước			
	<i>Nước sinh hoạt</i>	lít/người/ngày.đêm	≥110	≥120
	<i>Nước công nghiệp</i>	m ³ /ha-ngày.đêm	≥20	≥20
	<i>Nước cho công trình công cộng</i>	%Qsh	≥10	≥10
	<i>Nước tưới cây, rửa đường</i>	%Qsh	≥8	≥8
5	Nước thải sinh hoạt, công nghiệp, công trình công cộng	% nước cấp	80-100	90-100
6	Vệ sinh môi trường			
	<i>Chất thải rắn phát sinh</i>	Kg/người/ngày.đêm	0,9	1,0
	<i>Tỷ lệ thu gom</i>	%	≥90	≥95
	<i>Nghĩa trang</i>	Ha/1000 dân	0,6	
III	Chỉ tiêu hạ tầng xã hội	Tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành		

5. Quy hoạch sử dụng đất: (Bảng cơ cấu sử dụng đất đính kèm).

6. Định hướng phát triển không gian đô thị:

6.1. Định hướng các khu vực phát triển: Toàn thị xã được quy hoạch thành 6 khu vực phát triển.

- Phân khu 1 là Trung tâm đô thị mới - trung tâm hành chính, chính trị: Tại khu vực cửa ngõ phía Bắc thị xã, gồm toàn bộ địa giới hành chính phường Tân An và một phần địa giới hành chính phường Tân Thiện, xã Tân Phước và xã Tân Bình.

- Phân khu 2 là trung tâm hỗn hợp thương mại dịch vụ: Tại khu vực thuộc địa giới hành chính phường Tân Thiện, phường Bình Tân và xã Tân Phước.

- Phân khu 3 là khu đô thị dịch vụ - cảng cá: Tại khu vực thuộc địa giới hành chính phường Phước Hội, phường Phước Lộc và phường Bình Tân.

- Phân khu 4 là khu đô thị công nghiệp, dịch vụ, gồm:

+ Khu số 4A: Thuộc địa giới hành chính xã Tân Bình, gắn với cụm công nghiệp Tân Bình.

+ Khu số 4B: Thuộc địa giới hành chính xã Tân Phước, gắn với cụm công nghiệp La Gi.

- Phân khu 5 là khu đô thị du lịch, dịch vụ: Khu vực ven biển, thuộc địa giới hành chính xã Tân Phước, xã Tân Bình, xã Tân Tiến và xã Tân Hải.

- Phân khu 6 là khu đô thị nông nghiệp và dự trữ phát triển: Tại phía Đông, Đông Bắc, Tây Bắc thị xã. Chủ yếu là đất nông - lâm nghiệp thuộc địa phận các xã: Tân Phước, Tân Bình, Tân Tiến và Tân Hải.

6.2. Khu vực phát triển công nghiệp, chuyển tải hàng hóa, kho tàng:

- Khu vực sản xuất công nghiệp: Tiếp tục đẩy nhanh tiến trình đầu tư kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt và thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

- Khu vực chuyển tải hàng hóa: Quy hoạch 01 khu chuyển tải hàng hóa tại vị trí phía Đông Bắc cửa biển La Gi với quy mô khoảng 10 ha, nhằm khai thác lợi thế biển và đẩy mạnh phát triển kinh tế biển cho thị xã.

- Khu vực khai thác cát phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng: Quy hoạch 01 khu vực khai thác cát phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng với quy mô 200 ha tại xã Tân Phước. Lộ trình khai thác sau 20 năm sẽ đóng cửa và có các giải pháp bồi hoàn lại nền để xây dựng phát triển các chức năng cho đô thị.

6.3. Khu vực du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng: Hình thành 03 không gian du lịch, dịch vụ gắn với các không gian sinh thái đặc trưng của thị xã, gồm:

- Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch núi rừng kết hợp hồ Núi Đất.

- Khu du lịch sinh thái nông nghiệp, trải nghiệm gắn với vùng không gian cảnh quan sinh thái nông nghiệp đặc trưng.

- Toàn bộ không gian dải bờ biển phát triển các khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng ven biển.

6.4. Các khu dân cư:

a) Khu vực dân cư cũ (thuộc các phường nội thị): Cải tạo chỉnh trang, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Hạn chế không di dời dân cư, khuyến khích cải tạo xây dựng theo mật độ xây dựng và tầng cao trung bình.

b) Các khu đô thị mới: Phát triển các khu nhà ở mới theo hướng hiện đại, tầng cao, mật độ xây dựng phù hợp; khuyến khích phát triển nhà ở gắn kết với địa hình tự nhiên, gắn kết với các hoạt động công cộng đô thị, tạo dựng không gian mở, không gian cây xanh kết hợp mặt nước và không gian quảng trường đô thị. Đến năm 2035, phát triển dân cư tại 6 khu vực:

- Khu 1: Phát triển khu đô thị mới phía Bắc khu vực nội thị thị xã La Gi, thuộc địa giới hành chính phường Tân An, xã Tân Phước, xã Tân Bình. Quy mô đất đơn vị ở khoảng 517,6 ha, dân số khoảng 66.000 người.

- Khu 2: Phát triển trục công trình nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ, khu đất ở mới mật độ thấp hai bên tuyến đường N4. Quy mô đất đơn vị ở khoảng 211,8 ha, dân số khoảng 27.000 người.

- Khu 3: Mở rộng và phát triển khu đô thị dựa trên cơ sở khu vực đô thị cũ gắn với cảng cá La Gi. Quy mô đất đơn vị ở khoảng 368,6 ha, dân số khoảng 47.000 người.

- Khu 4: Gồm các chức năng: Khu nhà ở nông thôn hiện trạng cải tạo, xen cây, khu cây xanh cảnh quan, khu công cộng.

+ Khu 4A: Đô thị công nghiệp La Gi, thuộc địa giới hành chính xã Tân Phước. Quy mô đất đơn vị ở khoảng 37,4 ha, dân số khoảng 10.500 người.

+ Khu 4B: Đô thị công nghiệp Tân Bình, thuộc địa giới hành chính xã Tân Bình. Quy mô đất đơn vị ở khoảng 28,5 ha, dân số khoảng 7.500 người.

- Khu 5: Khu vực chức năng phục vụ cho dịch vụ du lịch; đồng thời phát triển 1 phần đất ở mới, mật độ thấp phục vụ cho lao động trong ngành du lịch địa phương, cũng như xây dựng các cơ sở lưu trú theo loại hình homestay, du lịch trải nghiệm. Quy mô đất đơn vị ở khoảng 34,3 ha, dân số khoảng 10.000 người.

- Khu 6: Khu nhà ở nông thôn hiện trạng cải tạo, xen cây thuộc địa giới hành chính xã Tân Hải, Tân Tiến. Bổ sung các khu vực chức năng như khu công cộng, khu cây xanh cảnh quan, khu thương mại dịch vụ. Quy mô đất đơn vị ở khoảng 116,7 ha, dân số khoảng 17.000 người.

6.5. Các khu vực phát triển ổn định:

- Khu vực đô thị được xây dựng trên nền tảng phát triển lâu đời (gắn với không gian biển): Là khu vực đô thị cũ, gắn với không gian biển bao gồm toàn bộ địa giới hành chính phường Phước Lộc, Phước Hội, Bình Tân. Với cấu trúc đô thị mật độ cao, đường phố dạng ô bàn cờ kết hợp hình tia cùng với các cụm dân cư sầm uất với nền kinh tế chủ đạo là nghề cá, kinh tế biển và gần đây là phát triển các dịch vụ.

- Khu vực đô thị được xây dựng trên nền tảng phát triển mở rộng mới: Phát triển về hướng Bắc - Tây Bắc; khu vực này phát triển với các chức năng quan trọng của thị xã, như: Trung tâm hành chính, chính trị, giáo dục đào tạo, y tế,... và các khu dân cư. Đầu tư nâng cấp, cải tạo chất lượng cảnh quan các khu dân cư về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xã hội, cây xanh để trở thành không gian hợp nhất, gia tăng chất lượng cảnh quan đô thị.

6.6. Khu vực dọc sông Dinh: Là hành lang cảnh quan chính yếu cần bảo vệ cảnh quan tự nhiên, đảm bảo hành lang tiêu thoát lũ, vùng không gian mặt nước tự nhiên; tạo trục cảnh quan xanh dọc sông, kết nối không gian đô thị hai bờ, kết nối không gian đô thị với không gian biển. Khu vực hai bờ sông trong đô thị được kết hợp với các vườn hoa, công viên, khu thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí và trung tâm dịch vụ được khai thác theo mùa.

6.7. Các khu bảo tồn: Gồm các công trình di tích lịch sử, văn hoá, tín ngưỡng; bảo tồn địa hình địa mạo khu vực không gian ven biển, đồi núi cao, bảo vệ hệ sinh thái rừng, phát triển rừng trồng đặc trưng phục vụ nhu cầu phát triển ngành và phục vụ du lịch.

6.8. Vùng phát triển mới: Gồm các vùng đất dọc theo tuyến đường ngang số 4 (N2), nối kết hai bờ sông Dinh và vùng đất dọc bờ biển. Đây là những khu vực sẽ khai thác phát triển nhằm tạo lập và hoàn thiện các khu chức năng đô thị, các khu ở mới, các trung tâm hỗn hợp, dịch vụ và du lịch biển.

6.9. Khu vực cửa ngõ đô thị: Tổ chức 03 cửa ngõ chính vào thị xã, gồm:

- Cửa ngõ số 1 - Hướng từ Quốc lộ 55, phía Bắc vào thị xã: Tổ chức quảng trường giao thông với đảo tròn tự hành lớn, xây dựng công trình biểu tượng đón tầm nhìn, tạo dựng hình ảnh một đô thị hiện đại, thân thiện gắn kết với các chức năng công cộng dịch vụ, thương mại.

- Cửa ngõ số 2 - Hướng từ Quốc lộ 55, phía Tây Nam vào thị xã: Tổ chức cửa ngõ năng động phát triển gắn với khu thương mại, dịch vụ và các khu đô thị mới tại cửa ngõ phía Tây Nam.

- Cửa ngõ số 3 - Hướng từ đường ĐT.719, phía Đông vào thị xã: Tổ chức cửa ngõ đô thị du lịch, dịch vụ hấp dẫn với các trung tâm du lịch, dịch vụ và các khu ở mới.

7. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

7.1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

a) Nền xây dựng:

- Cao độ không chế xây dựng: Đối với khu dân dụng: $H_{xd} \geq 2,2$ m; đối với khu công nghiệp, kho tàng: $H_{xd} \geq 2,4$ m.

- Các khu ngoại thị: Khu vực trung tâm các xã có nền cao, ổn định, cao độ xây dựng không chế bám theo cao độ đường ĐT.719.

- Khu vực đất giáp bờ biển có cao độ từ 0,8 - 7,0 m, địa hình dạng cồn cát, phần đất có cao độ thấp hơn 2,20 m cần đắp nền để chống ngập, phần đất có cao độ lớn hơn 2,20 m không bị ngập nhưng do địa hình dạng cồn cát nên cần tiến hành san lấp cục bộ để tránh ngập úng.

* Đối với tuyến đường kết hợp kè bảo vệ bờ biển, tuân thủ hướng tuyến và cao độ thiết kế theo Quy hoạch công trình chống xói lở bờ biển tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2012-2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Thoát nước mưa: Định hướng xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn giữa nước mưa và nước thải tại khu vực phát triển mới và dạng hỗn hợp tại khu vực cải tạo để đảm bảo vệ sinh môi trường và khả năng tận dụng địa hình tự nhiên được tối đa. Hệ thống hoạt động theo chế độ tự chảy.

- Khu vực nội thị:

+ Phía Tây sông Dinh: Hướng thoát nước mưa theo địa hình tự nhiên, chia làm 3 lưu vực: Lưu vực phía Bắc chủ yếu thoát ra suối Đó và một phần thoát ra sông Dinh, lưu vực phía Đông thoát chủ yếu ra sông Dinh, lưu vực phía Tây và phía Nam thoát ra suối Dừa và ra biển Đông.

+ Phía Đông sông Dinh: Hướng thoát nước mưa theo địa hình tự nhiên, chia làm 2 lưu vực: Lưu vực hướng từ Tây sang Đông chủ yếu thoát ra sông Dinh, lưu vực còn lại ở phía Nam thoát trực tiếp ra biển Đông.

- Khu vực các xã: Trên cơ sở quy hoạch nông thôn mới các xã đã được phê duyệt, định hướng sử dụng riêng giữa nước mưa và nước thải. Tuy nhiên đối với các khu vực dân cư có mật độ thấp, nghiên cứu sử dụng hệ thống thoát nước riêng có các tuyến cống bao trên các trục chính để phân tách nước thải đưa về trạm xử lý.

- Công tác chuẩn bị kỹ thuật khác: Hoàn thiện và duy tu hệ thống kè sông Dinh và sông Phan, phòng tránh xói lở, ngập lũ cho các khu vực xây dựng và vùng đất nông nghiệp. Xây dựng hệ thống hồ điều tiết trong thị xã tạo cảnh quan, môi trường đô thị. Tạo hành lang xanh dọc trục tiêu chính. Tăng cường mặt phủ xanh trong đô thị.

7.2. Quy hoạch giao thông:

7.2.1. Giao thông đối ngoại:

a) Giao thông đường bộ:

- Quốc lộ 55: Quy hoạch tuyến tránh Quốc lộ 55 phía Tây Bắc nâng cấp toàn tuyến, đoạn đi qua khu vực nội thị có quy mô mặt cắt ngang từ 30 – 45 m.

- Tuyến tránh Quốc lộ 55: Đoạn đi qua khu vực thị xã có chiều dài khoảng 4,3 km, đoạn còn lại thuộc địa phận huyện Hàm Tân theo định hướng Quy hoạch khu đô thị Sơn Mỹ đã được phê duyệt. Tuyến được quy hoạch tối thiểu đạt cấp III đồng bằng, mặt đường rộng 9 m, nền đường rộng 14 m.

- Đường tỉnh ĐT.719: Tuyến bắt đầu từ Quốc lộ 55 qua cầu Đá Dựng đi Phan Thiết theo hướng Đông Bắc được định hướng nâng cấp thành đường trục chính, quy mô mặt cắt ngang 24 – 36 m.

- Tuyến tránh đường tỉnh ĐT.719 là tuyến kết hợp quy hoạch mới và đường hiện có, đóng vai trò là hành lang giới hạn phát triển đô thị tập trung. Điểm đầu kết nối với tuyến tránh Quốc lộ 55, điểm cuối kết nối ra đường tỉnh ĐT.719 tại địa bàn xã Tân Bình. Tuyến được định hướng quy hoạch đạt cấp IV, lòng đường 13 m, nền đường 15 m. Đoạn đi qua khu vực phát triển đô thị được quy hoạch với lộ giới từ 20 - 22,5 m.

- Tuyến Tân Thuận - Tân Thắng: Là tuyến mới theo Quy hoạch giao thông vận tải tỉnh Bình Thuận đã được phê duyệt. Tuyến được định hướng quy hoạch đạt cấp IV, lòng đường 7 m, nền đường 9 m; kết nối từ xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam qua khu vực hồ Núi Đất và đến xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân.

- Bến xe:

+ Bến xe thị xã: Quy mô 0,35 ha có chức năng bến xe nội tỉnh và phục vụ vận chuyển hành khách công cộng.

+ Bến xe Dinh Thầy Thím: Quy mô 0,7 ha, được nâng cấp phục vụ cho du lịch.

+ Bến xe liên tỉnh: Quy mô 3,3 ha, được quy hoạch mới tại vị trí khu vực gần nút giao đường Thống Nhất và tuyến tránh Quốc lộ 55.

- Bến cảng hàng hóa: Nâng cấp khu vực cảng cá La Gi và xây mới khu chuyển tải phía Đông cảng cá, kết nối với đường Nguyễn Tri Phương nối dài để phục vụ cho các cụm công nghiệp thị xã.

b) Tuyến đường ven biển: Quy hoạch tuyến đường ven biển phục vụ phát triển du lịch toàn thị xã, lộ giới tuyến đường nằm trong hành lang bảo vệ bờ biển, trùng với chỉ giới tuyến kè biển đã được phê duyệt (chỉ giới tuyến đường phía đất liền cách đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm 100 m).

- Đoạn từ Sơn Mỹ đến cảng cá La Gi: Quy hoạch mới tuyến đường ven biển kết hợp bờ kè nối từ khu vực Sơn Mỹ đến đường Bến Chương Dương tại khu vực cảng cá La Gi. Quy mô mặt cắt 36,0 m.

- Định hướng quy hoạch mới cầu qua cửa Sông Dinh trong dài hạn, cầu có tổng chiều dài khoảng 625 m, bề rộng khoảng 12 m, đảm bảo tĩnh không cho tàu thuyền qua cầu >9m (phục vụ tàu tải trọng không quá 400 CV).

- Đoạn từ Khu chuyển tải La Gi đến khu vực xã Tân Tiến (kết thúc tại tuyến đường nối lên Dinh Thầy Thím): Quy hoạch mới tuyến đường ven biển kết hợp bờ kè nối từ khu chuyển tải đến đường ĐT.719 tại địa bàn xã Tân Tiến. Quy mô mặt cắt 36,0 m.

- Đoạn từ khu vực bến xe Dinh Thầy Thím đến Tân Hải: Do địa hình chia cắt bởi khu vực cửa sông Phan, nghiên cứu nhập vào tuyến đường tỉnh ĐT.719 và tuyến đường trục chính đô thị có lộ giới 42,0 m theo Quy hoạch chung ven biển khu vực Tân Tiến – Tân Thuận đã được phê duyệt.

7.2.2. Giao thông đô thị:

a) Đường chính đô thị:

- Các tuyến trục dọc: Đường Thống Nhất (gồm Đoạn từ tuyến tránh Quốc lộ 55 đến đường N27, Đoạn từ đường N27 đến đường D21, Đoạn từ đường D21 đến đường Trần Hưng Đạo, Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Lợi); đường Nguyễn Tri Phương nối dài (là tuyến quy hoạch trục dọc chính phía Đông thị xã); đường D31 (là tuyến quy hoạch trục dọc chính phía Tây thị xã); đường D21 (là tuyến nối từ đường Thống Nhất đến đường Lê Minh Công).

- Các tuyến trục ngang: Đường Nguyễn Chí Thanh (gồm đoạn từ cầu Đá Dựng đến đường Nguyễn Tri Phương và Đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đi Phan Thiết); đường Hoàng Diệu (từ đường Nguyễn Văn Trỗi nối dài đến đường Kinh tế mới Tân An); đường N4 (từ Quốc lộ 55 nối đến đường ĐT.719 trên địa phận xã Tân Tiến); đường N3 (là tuyến bắt đầu từ khu vực xã Tân Phước nối đến ĐT.719 trên địa phận xã Tân Bình).

b) Hệ thống công trình phục vụ giao thông: Cải tạo nâng cấp các cầu trên các tuyến phù hợp với cấp hạng đường. Xây dựng mới 05 cầu qua sông Dinh và 01 cầu qua sông Phan, kết nối liên thông các tuyến đường trục chính và đường du lịch ven biển của thị xã. Bố trí các bãi đỗ xe cho các khu du lịch, trung tâm thương mại, diện tích bãi đỗ được tính toán đảm bảo tiếp nhận.

7.3. Cấp nước:

a) Tổng nhu cầu cấp nước sinh hoạt: Khoảng 42.000 m³/ngày,đêm.

b) Nguồn nước: Nguồn nước mặt sông Dinh và các hồ chứa nước sông Dinh 3, hồ Núi Đất, đập Đá Dựng làm nguồn nước cấp cho sinh hoạt. Nguồn nước ngầm trong khu vực sẽ là nguồn nước dự trữ chiến lược để sử dụng trong tương lai để cấp nước cho khu vực đô thị.

c) Các công trình đầu mối:

- Giai đoạn đến năm 2025: Tiếp tục sử dụng và nâng công suất các Nhà máy nước (NMN) hiện có đáp ứng nhu cầu cấp nước trong khu vực. Nguồn nước từ hồ Núi Đất, sông Dinh và các hồ chứa nước trên địa bàn; công suất các NMN và các trạm cấp nước như sau:

+ NMN Tân Tiến (hồ Núi Đất): 15.000 m³/ngày,đêm.

+ NMN La Gi: 10.000 m³/ngày,đêm.

+ Trạm cấp nước Tân Hải: 1.000 m³/ngày,đêm.

- Giai đoạn đến năm 2035: Nâng công suất các NMN trên địa bàn để đáp ứng nhu cầu cấp nước của thị xã. Nguồn nước chính tiếp tục sử dụng từ sông Dinh, hồ Núi Đất; công suất các NMN như sau:

+ NMN Tân Tiến (hồ Núi Đất): 15.000 m³/ngày,đêm.

+ NMN La Gi: 30.000 m³/ngày,đêm.

+ Trạm cấp nước Tân Hải: 1.000 m³/ngày,đêm.

d) Mạng lưới cấp nước: Sử dụng mạng lưới kiểu hỗn hợp, kết hợp mạng lưới vòng và mạng lưới cụt. Đường ống được chôn sâu dưới mặt đất tối thiểu 0,5 m và đối với ống qua đường xe chạy tối thiểu 0,7 m.

e) Giải quyết áp lực: Mạng lưới cấp nước được tính toán với áp lực tự do 12 m đảm bảo cấp nước cho nhà 02 tầng. Đối với những công trình cao tầng cần xây dựng bể chứa và trạm bơm tăng áp cục bộ.

f) Cấp nước chữa cháy: Bố trí các trụ cứu hỏa tại các ngã ba, ngã tư ở khu vực đô thị để phục vụ chữa cháy. Trụ cứu hỏa đặt nổi, sơn màu đỏ và được đấu nối vào các tuyến ống cấp nước có đường kính $\geq D100$. Bán kính phục vụ của mỗi trụ tối thiểu 150 m.

7.4. Cấp điện:

a) Tổng phụ tải điện dài hạn: Khoảng 164,04 MVA.

b) Nguồn điện: Từ trạm 110/22kV Hàm Tân, trực tiếp cấp điện qua các tuyến 22kV hiện trạng.

c) Lưới điện:

- Trung thế: Cải tạo nâng công suất các máy biến áp 3 pha hiện có; trong đó sẽ cải tạo và hạ ngầm hoàn toàn mạng lưới 22kV (tùy theo điều kiện cho phép để xác định lộ trình và khu vực đi ngầm). Dự kiến vẫn sử dụng 9 lộ 22kV để cung cấp cho khu vực nghiên cứu.

- Trạm biến áp phân phối 22/0,4kV: Cải tạo nâng công suất các máy biến áp 3 pha hiện có; xây dựng mới thêm trạm lưới 22/0,4kV đảm bảo đủ đáp ứng

nhu cầu phụ tải không xảy ra tình trạng quá tải cho các máy biến áp lưới. Các trạm biến áp dùng gam máy 400kVA, 630kVA loại 3 pha; bán kính phục vụ các trạm đảm bảo ≤ 300 m.

- Lưới 0,4kV: Cải tạo, chỉnh trang lưới điện hạ thế hiện trạng dọc các trục đường. Tại khu vực nội thị mạng lưới 0,4kV bố trí đi ngầm (tùy theo điều kiện cho phép để xác định lộ trình và khu vực đi ngầm), điện áp 380/220V có trung tính nối đất trực tiếp. Bán kính phục vụ của mạng hạ áp đảm bảo <300 – 400 m. Kết cấu lưới hạ áp theo mạng hình tia. Hạn chế tối đa các tuyến cáp nổi qua ngã tư giao lộ lớn.

d) Mạng lưới chiếu sáng: Lắp đặt hệ thống chiếu sáng mới và hoàn thiện toàn bộ mạng lưới chiếu sáng hiện trạng, đảm bảo độ rọi cũng như mỹ quan, tạo điểm nhấn cho đô thị. Hệ thống chiếu sáng hạ ngầm theo lộ trình.

7.5. Định hướng phát triển thông tin liên lạc:

- Dự báo nhu cầu: Khoảng 60.000 thuê bao.

- Chuyên mạch: Nâng cấp trạm host mới cho toàn khu vực với dung lượng 60.000 lines.

- Truyền dẫn: Sử dụng các tuyến cáp quang từ trạm chuyên mạch mới, hạ ngầm trên vỉa hè theo lộ trình, độ sâu trong hào cáp, khoảng cách đến chân các công trình phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Mạng ngoại vi: Xây dựng hệ thống cống bể theo mạng ngoại vi và các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng để phát triển dịch vụ.

- Mạng di động: Xây dựng mới trạm thu phát sóng của nhà cung cấp dịch vụ chính, phát triển trạm BTS theo công nghệ đa tần. Cải tạo hoặc di dời các trạm BTS không đảm bảo về an toàn, vị trí ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị. Ứng dụng các mô hình trạm thu phát nhỏ gọn có thể ngụy trang vào công trình cảnh quan đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Mạng Internet: Sử dụng băng thông rộng, phát triển theo phương thức qua mạng nội hạt, xây dựng các đường DSLAM từ Host La Gi đến các khu vực mới, đảm bảo cho khoảng 15.000 thuê bao được kết nối Internet băng thông rộng. Lắp đặt các điểm phát sóng wifi công cộng tại các khu vực trung tâm hành chính và các phường nội thị.

7.6. Thoát nước bản, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang:

7.6.1. Hệ thống thoát nước bản:

- Đối với khu nội thị cũ: Dự kiến xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng. Tại phía trước các điểm xả, xây dựng các giếng tràn tách nước bản và các tuyến cống bao dẫn nước bản về trạm xử lý nước bản tập trung.

- Đối với các khu quy hoạch mới: Dự kiến xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Nước thải được thu gom bằng mạng lưới cống thoát nước bản, có đường kính D300÷600mm, qua các trạm bơm nước bản và dẫn về trạm xử lý nước bản tập trung.

- Nước thải sinh hoạt phải được xử lý đạt giới hạn theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành trước khi xả ra nguồn.

a) Nước thải sinh hoạt: Chia thành 3 lưu vực chính như sau:

- Lưu vực phía Đông sông Dinh: Quy hoạch hệ thống thoát nước riêng mới hoàn toàn cho khu vực nghiên cứu. Bố trí 01 trạm bơm nước thải công suất 15.000 m³/ngày,đêm. Vị trí trạm xử lý nằm ở phía Đông Nam lưu vực. Nước thải sẽ được bơm qua tuyến ống áp lực sang trạm xử lý phía Tây để xử lý.

- Lưu vực phía Tây sông Dinh: Quy hoạch hệ thống thoát nước nửa riêng cho khu vực nghiên cứu. Đối với khu vực nội thị, xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng; đối với khu đô thị mới xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Nước thải được thu gom đưa về trạm xử lý. Bố trí xây dựng 01 trạm xử lý nước thải công suất 30.000 m³/ngày,đêm. Vị trí trạm xử lý nằm ở phía Tây Nam lưu vực.

- Lưu vực xã Tân Hải: Quy hoạch hệ thống thoát nước riêng mới hoàn toàn. Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải công suất 10.000 m³/ngày,đêm; vị trí trạm xử lý nằm ở phía Đông Nam lưu vực.

Các xã Tân Tiến, Tân Bình, Tân Phước: Nghiên cứu hệ thống thoát nước chung cho khu vực các xã. Nước thải được xử lý sơ bộ tại các hộ gia đình bằng bể tự hoại, hố ga lắng cặn... trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung với nước mưa rồi xả ra môi trường.

b) Nước thải công nghiệp: Phải được xử lý đảm bảo QCVN: 24-2009 (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả ra môi trường. Đối với các cụm công nghiệp tùy theo tính chất loại hình mà bố trí công nghệ xử lý phù hợp trong từng nhà máy; quy mô các trạm xử lý tại các khu công nghiệp tùy theo quy mô phục vụ. Cụm công nghiệp Tân Bình xây dựng trạm xử lý với công suất 3.100 m³/ngày,đêm.

c) Nước thải y tế: Phải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra hệ thống thoát nước.

d) Nước thải các khu vực chăn nuôi: Các hộ gia đình chăn nuôi gia súc, gia cầm nằm trong khu dân cư đều phải có biện pháp thu gom xử lý nước thải để đảm bảo vệ sinh môi trường; tùy theo số lượng gia súc, gia cầm mà xây dựng hệ thống bể biogas để xử lý chất thải với quy mô phù hợp.

7.6.2. Thu gom và xử lý chất thải rắn: Đóng cửa các bãi chôn lấp hiện nay của thị xã. Toàn bộ lượng rác thải phải được phân loại tại nguồn thải (thành các chất hữu cơ và vô cơ) trước khi thu gom, vận chuyển đến khu liên hợp xử lý chất thải rắn Đa Lộc tại xã Tân Bình. Quy hoạch 03 trạm trung chuyển chất thải rắn trên toàn thị xã.

7.6.3. Nghĩa trang - nhà tang lễ: Quy hoạch 01 nghĩa trang (có lò hỏa táng) diện tích khoảng 30 ha tại xã Tân Bình và nhà tang lễ có diện tích khoảng 10.000 m² nằm trong phạm vi nghĩa trang mới, cách khu vực dân cư tối thiểu 1.000 m.

8. Đánh giá môi trường chiến lược:

a) Đánh giá tác động quy hoạch đến môi trường:

Bảng tác động định hướng phát triển không gian, phân khu chức năng

TT	Định hướng phát triển	Các tác động và vấn đề cần quan tâm
1	<p><i>Khu đô thị hành chính phức hợp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo quảng trường mở kết hợp cây xanh, tượng đài tại nút giao QL55. - Cụm công trình TMDV theo trục QL55. - Không gian cảnh quan hai bờ sông Dinh. - Phát triển đa dạng loại hình nhà ở. - Gìn giữ, cải tạo chất lượng các không gian xanh, không gian mở cho đô thị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần quan tâm tới vấn đề thu gom, xử lý chất thải rắn và nước thải phát sinh từ khu ở, thương mại, dịch vụ, hành chính, y tế cũng như nguy cơ ô nhiễm không khí tiếng ồn từ trục QL55. Chú ý kiểm soát nguy cơ ô nhiễm nước mặt sông Dinh. - Thiết kế không gian xanh cảnh quan phục hồi, tôn trọng giá trị tự nhiên hai bên bờ sông Dinh. Kiểm soát phát triển lấn chiếm không gian ven sông. - Thiết lập thêm không gian cây xanh, mặt nước vào các công trình.
2	<p><i>Đô thị hỗn hợp, dịch vụ mới</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm thể dục thể thao - Trung tâm dịch vụ hỗn hợp. - Trung tâm khu đô thị. - Nhà ở hiện hữu cải tạo, chỉnh trang; nhà ở liên kế; chung cư. - Khu cây xanh thể dục thể thao và công viên cảnh quan dọc sông 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân với việc cung cấp các dịch vụ. - Cần quan tâm tới vấn đề thu gom, xử lý chất thải rắn và nước thải phát sinh từ khu ở, thương mại. - Tạo hành lang xanh ven sông kiểm soát phát triển, giảm thiểu thiệt hại nguy cơ sạt lở và ngập úng. - Thiết lập thêm không gian cây xanh, mặt nước vào các công trình thể dục thể thao.

TT	Định hướng phát triển	Các tác động và vấn đề cần quan tâm
3	<p>Dinh</p> <p><i>Khu đô thị hiện hữu – cảng cá</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm dịch vụ kinh tế biển. - Khu vực nội đô lịch sử cải tạo chỉnh trang. - Công viên cây xanh tập trung và công viên cảnh quan dọc sông Dinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần quan tâm tới công tác thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, kiểm soát ô nhiễm nước mặt, tiếng ồn đặc biệt khu vực cảng, chợ cá La Gi (dịch vụ bởi khu vực này sẽ tập trung rất nhiều hoạt động trong tương lai theo định hướng quy hoạch). - Phục hồi, cải tạo cảnh quan chất lượng môi trường nước mặt tại khu vực cảng cá và cửa sông - Có biện pháp bảo vệ đối với các khu vực dịch vụ cảng, hỗn hợp bởi hiện nay các khu vực này đang bị ảnh hưởng bởi sạt lở, thực hiện dự án kè chống sạt lở nhưng cần kết hợp với giải pháp trồng cây xanh tạo và giữ bãi. - Thiết lập và bảo vệ các không gian cây xanh ven sông tạo cảnh quan và kiểm soát phát triển lấn chiếm mặt nước cũng như giảm thiểu ảnh hưởng rủi ro lũ lụt, ngập úng.
4	<p><i>Khu công nghiệp dịch vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển mô hình “cụm” công nghiệp hiện đại với các chức năng đan xen, tương hỗ (đô thị công nghiệp La Gi và Tân Bình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro ô nhiễm môi trường do hoạt động của cụm công nghiệp khai thác khoáng sản La Gi và chế biến Tân Bình. Kiểm soát, thực hiện tốt việc xử lý và thu gom chất thải công nghiệp. - Thiết lập hành lang cách ly cây xanh với hoạt động công nghiệp và hạn chế việc vận chuyển phục vụ công nghiệp qua các khu vực dân cư tập trung. - Có khả năng ảnh hưởng tới hoạt động của khu du lịch ven biển. Trong dài hạn nên chuyển đổi mô hình hoạt động của cụm công nghiệp khai thác La Gi sang mô hình công nghiệp xanh sạch hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất.
5	<p><i>Khu vực phát triển dịch vụ du lịch ven biển</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí các khu phục vụ tín ngưỡng, du lịch, khu nghỉ dưỡng, khu ở theo hướng mô hình khu sinh thái tự nhiên với nhiều không gian cây xanh – Phát triển các công trình dịch vụ du lịch quan trọng phía trong kè để không bị ảnh hưởng bởi nguy cơ sạt lở. - Phát triển du lịch theo hướng bảo tồn cảnh quan tự nhiên ven biển. Thiết lập hệ thống cây xanh, rừng phòng hộ ven biển tạo và giữ bãi cũng như hạn chế ảnh hưởng của bão, cát bay. Đảm bảo khả năng tiếp cận công bằng tới không gian ven biển. - Khu dân cư hiện hữu phía Đông Bắc cần cải tạo, nâng cấp để hỗ trợ, tạo thêm điểm đến cho hoạt động du lịch (dịch vụ du lịch homestay hay tham quan, sử dụng các sản phẩm của địa phương)

TT	Định hướng phát triển	Các tác động và vấn đề cần quan tâm
		<ul style="list-style-type: none"> - Chú ý vấn đề thu gom xử lý nước thải, rác thải từ hoạt động du lịch. Kiểm soát hoạt động du lịch không vượt sức chịu tải của môi trường.
6	<i>Khu vực nông lâm nghiệp và dự trữ phát triển</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo không gian chuyển tiếp giữa đô thị và nông thôn tạo lập lá phổi xanh cho đô thị. - Nâng cao giá trị sinh thái nông lâm nghiệp, tính chất đặc trưng bản địa. - Tạo giá trị cảnh quan, sinh thái thông qua mô hình đơn vị ở mật độ thấp, không tập trung gắn với văn hóa bản địa. Tăng sức chịu tải về môi trường. - Kiểm soát việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguy cơ gây ô nhiễm nước và đất. - Bảo vệ, kiểm soát chất lượng môi trường không gian hồ núi Đất (nguồn nước đô thị trong bối cảnh biến đổi khí hậu, khô hạn). - Kiểm soát nguy cơ ô nhiễm do khu xử lý chất thải rắn và nghĩa trang gần cụm công nghiệp Tân Bình. Kiểm soát không phát triển dân cư nằm trong khoảng cách ly an toàn của các công trình này. - Phục hồi chất lượng môi trường các điểm khai thác vật liệu xây dựng, tận dụng tạo thêm các không gian hồ dự trữ nước nhỏ làm nguồn cấp bổ sung trong bối cảnh biến đổi khí hậu. - Chú ý rủi ro cháy rừng vào mùa khô (Tân Tiến, Tân Bình)

b) Giải pháp quy hoạch bảo vệ môi trường:

- Khu vực phục hồi môi trường và cải tạo phát triển đô thị: Khu vực trung tâm đô thị hiện hữu và hành chính phức hợp cần đảm bảo thu gom xử lý chất thải triệt để, phát triển và cải tạo đồng bộ hạ tầng; xử lý phục hồi chất lượng môi trường đặc biệt là môi trường nước mặt sông Dinh; di dời các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ vào cụm công nghiệp. Kiểm soát các vấn đề về nước thải, chất thải rắn và kiểm soát nguy cơ ô nhiễm môi trường nước, không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông, hoạt động xây dựng, cải tạo không gian sống cũng như cung cấp dịch vụ tốt nhất. Lồng ghép áp dụng các giải pháp hạ tầng xanh, công trình xanh giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường của đô thị hóa tập trung.

- Khu vực kiểm soát phát triển đô thị mới và du lịch: Là các khu đô thị gắn với công nghiệp và dịch vụ du lịch kiểm soát các vấn đề thu gom xử lý chất thải; lồng ghép giải pháp phát triển đô thị xanh, thích ứng; nên phát triển theo cụm để hỗ trợ thoát nước. Kiểm soát các vấn đề về nước thải, chất thải rắn và kiểm soát nguy cơ ô nhiễm môi trường nước, không khí và tiếng ồn nguy cơ

ảnh hưởng từ cụm công nghiệp tập trung. Kiểm soát hoạt động du lịch: Thu gom, xử lý chất thải bảo vệ cảnh quan sinh thái tự nhiên ven biển.

- Khu vực kiểm soát phát triển công nghiệp (Cụm công nghiệp Tân Bình, La Gi, nhà máy sản xuất Titan): Kiểm soát thu gom xử lý chất thải công nghiệp; chuyển đổi mô hình công nghiệp khai thác sang công nghiệp xanh, phục hồi môi trường sau khai thác. Kiểm soát các vấn đề về nước thải, chất thải rắn và nguy cơ ô nhiễm môi trường nước, không khí do hoạt động công nghiệp.

- Khu vực rủi ro: Giảm thiểu ảnh hưởng rủi ro lũ lụt, phục hồi không gian tự nhiên, cây xanh ven sông Dinh và sông Phan, kiểm soát phát triển, hạn chế xây dựng. Quản lý giám sát không để xảy ra tình trạng khai thác vật liệu xây dựng làm gia tăng nguy cơ sạt lở bờ sông. Đối với khu vực ven biển, hạn chế xây dựng phát triển mật độ cao đảm bảo thích ứng và giảm thiểu thiệt hại thông qua thiết lập hệ thống kè bờ biển, kè phá sóng tại các khu vực phát triển (du lịch, cảng biển); trồng, bảo vệ hệ thống cây xanh, rừng phòng hộ ven biển giữ bãi, chắn gió, bão.

- Khu vực bảo vệ sinh thái nông lâm nghiệp: Kiểm soát việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguy cơ ảnh hưởng tới môi trường. Hạn chế phát triển, xây dựng để bảo tồn không gian sinh thái bản địa với mô hình ở phân tán mật độ thấp đảm bảo chức năng vùng đệm, tăng sức chịu tải môi trường. Bảo vệ nguồn nước hồ Núi Đất; tạo thêm các không gian lưu chứa nước bổ sung, theo dõi kiểm soát nguy cơ cháy rừng trong mùa khô. Kiểm soát nguy cơ ô nhiễm từ khu xử lý chất thải rắn và nghĩa trang tập trung. Phục hồi môi trường tại các điểm khai thác vật liệu xây dựng.

9. Phân kỳ và tiến độ đầu tư:

(Kèm theo Bảng Phân kỳ và tiến độ đầu tư chi tiết)

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung:

(Kèm theo Quy định cụ thể)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Xây dựng:

- Chịu trách nhiệm kiểm tra và xác nhận hồ sơ bản vẽ thiết kế quy hoạch kèm theo.

- Phối hợp cùng các sở, ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn UBND thị xã La Gi triển khai thực hiện; kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo nếu có khó khăn vướng mắc.

2. UBND thị xã La Gi:

- Tổ chức công bố, thông báo công khai đồ án Quy hoạch chung được phê duyệt; thời gian và nội dung công bố thực hiện theo quy định.

- Triển khai công tác cắm mốc giới quy hoạch và tổ chức quản lý, bảo vệ mốc giới ngoài thực địa.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển đô thị để thực hiện các nội dung theo Quy hoạch chung được phê duyệt theo đúng quy định.

- Quản lý chặt chẽ việc triển khai thực hiện, đầu tư xây dựng theo nội dung Quy hoạch chung được phê duyệt; chủ động, phối hợp với các cơ quan chức năng huy động các nguồn vốn để thực hiện đầu tư, xử lý các trường hợp xây dựng sai phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch UBND thị xã La Gi, Giám đốc Công ty Điện lực Bình Thuận, Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTQH XD. Thiện

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Hai